



Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Báo cáo tài chính riêng cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập Quyết định số 105/2004/QĐ-BCN do Bộ Công Thương ban hành ngày 5 tháng 10 năm 2004.

Giấy chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0100101308 ngày 4 tháng 10 năm 2018

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là lần thứ 13 ngày 4 tháng 10 năm 2018. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các lần điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Vũ Đức Giang	Chủ tịch
	Ông Phạm Duy Hạnh	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Thành viên
	Bà Nguyễn Thiên Lý	Thành viên
	Ông Thân Đức Việt	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thiên Lý	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Thân Đức Việt	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Trọng Kim	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Bạch Thăng Long	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Giám đốc điều hành
	Ông Nguyễn Ánh Dương	Giám đốc điều hành
	Bà Phạm Bích Hồng	Giám đốc điều hành
Ông Hoàng Thế Nhu	Giám đốc điều hành	

Trụ sở đăng ký Số 765, Đường Nguyễn Văn Linh
Phường Sài Đồng
Quận Long Biên, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam 

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần (“Tổng công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng Tổng công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2019



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần (“Tổng công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt phát hành ngày 19 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



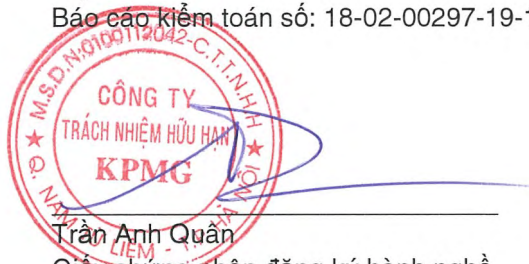
Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-02-00297-19-1



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 0306-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2019

Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 3065-2019-007-1

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		1.100.369.335.700	1.002.251.570.842
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	63.355.834.265	148.153.352.677
Tiền	111		61.655.834.265	91.553.352.677
Các khoản tương đương tiền	112		1.700.000.000	56.600.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		420.109.320.447	381.468.837.811
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	368.346.095.038	334.806.988.156
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		22.402.207.911	28.445.499.772
Phải thu ngắn hạn khác	136	6(a)	31.994.703.533	20.283.784.832
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(2.633.686.035)	(2.067.434.949)
Hàng tồn kho	140	8	588.455.785.192	452.685.264.125
Hàng tồn kho	141		591.682.234.808	456.317.985.567
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.226.449.616)	(3.632.721.442)
Tài sản ngắn hạn khác	150		28.448.395.796	19.944.116.229
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.390.248.517	1.874.744.283
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		26.604.496.279	17.615.720.946
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		453.651.000	453.651.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		468.199.621.789	361.868.330.955
Các khoản phải thu dài hạn	210		44.928.848.451	36.914.670.215
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5	2.067.434.949	2.067.434.949
Phải thu về cho vay dài hạn	215		9.702.887.534	9.702.887.534
Phải thu dài hạn khác	216	6(b)	33.158.525.968	25.144.347.732
Tài sản cố định	220		364.303.307.517	289.257.534.628
Tài sản cố định hữu hình	221	9	357.881.819.155	286.857.325.261
<i>Nguyên giá</i>	222		1.231.215.539.150	1.067.775.753.624
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(873.333.719.995)	(780.918.428.363)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	10	179.400.000	273.000.000
<i>Nguyên giá</i>	225		280.800.000	280.800.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(101.400.000)	(7.800.000)
Tài sản cố định vô hình	227	11	6.242.088.362	2.127.209.367
<i>Nguyên giá</i>	228		10.780.099.483	6.787.099.483
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.538.011.121)	(4.659.890.116)
Tài sản dở dang dài hạn	240		29.095.295.903	6.387.971.110
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	29.095.295.903	6.387.971.110
Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.097.321.861	1.097.321.861
Đầu tư vào công ty con	251	13	1.097.321.861	1.097.321.861
Tài sản dài hạn khác	260		28.774.848.057	28.210.833.141
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	28.774.848.057	28.210.833.141
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.568.568.957.489	1.364.119.901.797

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

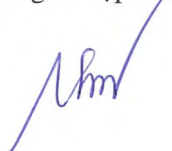
Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.194.648.442.944	995.689.488.381
Nợ ngắn hạn	310		955.885.492.034	805.382.755.357
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	346.379.315.340	254.619.824.040
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		34.522.677.818	36.161.584.788
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	5.263.806.286	3.305.954.676
Phải trả người lao động	314		168.690.233.381	148.038.272.750
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		43.160.701	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	17(a)	1.641.980.411	1.909.961.909
Vay ngắn hạn	320	18(a)	394.680.902.914	358.848.468.425
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	4.663.415.183	2.498.688.769
Nợ dài hạn	330		238.762.950.910	190.306.733.024
Phải trả người bán dài hạn	331	15	208.571.000	208.571.000
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		59.664.776.096	46.829.462.331
Phải trả dài hạn khác	337	17(b)	10.812.510.000	12.142.634.310
Vay dài hạn	338	18(b)	159.377.976.285	120.445.161.583
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		8.699.117.529	10.680.903.800
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		373.920.514.545	368.430.413.416
Vốn chủ sở hữu	410	20	373.920.514.545	368.430.413.416
Vốn cổ phần	411	21	302.400.000.000	189.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		302.400.000.000	189.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	46.268.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(2.440.000)	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	14.316.819.147	76.276.819.147
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		57.206.135.398	56.885.594.269
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		2.177.594.269	5.161.780.485
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		55.028.541.129	51.723.813.784
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.568.568.957.489	1.364.119.901.797

Ngày 19 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Tạ Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Bích Hồng
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	2.955.078.214.387	3.019.798.618.427
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	293.930.947	548.107.703
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	25	2.954.784.283.440	3.019.250.510.724
Giá vốn hàng bán	11	26	2.493.083.548.284	2.579.733.161.333
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		461.700.735.156	439.517.349.391
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	18.403.805.013	16.898.094.695
Chi phí tài chính	22	28	37.483.847.395	20.169.591.806
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		18.449.202.088	12.090.445.671
Chi phí bán hàng	25	29	170.496.260.740	175.181.099.907
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	211.541.362.367	199.605.929.410
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		60.583.069.667	61.458.822.963
Thu nhập khác	31		7.571.657.864	1.652.716.899
Chi phí khác	32		2.748.913.119	1.647.804.566
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		4.822.744.745	4.912.333
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		65.405.814.412	61.463.735.296
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	10.377.273.283	9.739.921.512
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		55.028.541.129	51.723.813.784

Ngày 19 tháng 3 năm 2019.

Người lập:

Tạ Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Phạm Bích Hồng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		65.405.814.412	61.463.735.296
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		144.734.143.732	139.624.011.236
Các khoản dự phòng	03		159.979.260	888.406.652
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(707.564.007)	765.405.084
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(5.330.209.286)	(1.771.266.019)
Chi phí lãi vay	06		18.449.202.088	12.090.445.671
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		222.711.366.199	213.060.737.920
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		(61.012.141.163)	(21.771.595.791)
Biến động hàng tồn kho	10		(135.364.249.241)	(150.548.099.594)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		104.423.392.998	(11.952.182.933)
Biến động chi phí trả trước	12		983.156.916	10.044.272.327
			131.741.525.709	38.833.131.929
Tiền lãi vay đã trả	14		(18.493.258.420)	(12.194.461.416)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.984.188.768)	(10.208.772.896)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		892.691.877	2.087.350.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(14.243.965.463)	(28.090.838.166)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		90.912.804.935	(9.573.590.549)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(225.615.910.034)	(157.131.743.266)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		6.449.953.288	633.271.819
Rút tiền gửi có kỳ hạn	24		-	1.100.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		844.541.682	2.032.134.863
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(218.321.415.064)	(153.366.336.584)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu phát hành cổ phiếu	31		-	15.300.000.000
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		(2.440.000)	-
Tiền thu từ đi vay	33		1.128.769.298.099	1.250.983.564.788
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.052.065.870.584)	(1.151.580.462.618)
Tiền trả cổ tức	36		(33.980.758.884)	(27.210.520.450)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		42.720.228.631	87.492.581.720
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(84.688.381.498)	(75.447.345.413)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		148.153.352.677	223.639.575.293
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(109.136.914)	(38.877.203)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	63.355.834.265	148.153.352.677

Ngày 19 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Tạ Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Bích Hồng
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần (“Tổng công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng công ty là:

- Sản xuất quần áo và các phụ liệu của ngành may mặc;
- Kinh doanh các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, thực phẩm và các mặt hàng tiêu dùng khác;
- Kinh doanh bất động sản, văn phòng và nhà cho công nhân thuê;
- Đào tạo nghề;
- Cung cấp chương trình giáo dục mầm non và chăm sóc nuôi dạy trẻ;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp;
- Sản xuất và kinh doanh các loại nguyên liệu, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu và hóa chất cho ngành may mặc;
- Kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng thuộc lĩnh vực siêu thị; và
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng công ty có 1 công ty con (1/1/2018: 1 công ty con) được trình bày tại Thuyết minh 13.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng công ty có 7.424 nhân viên (1/1/2018: 7.240 nhân viên).

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) hoặc tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Tổng công ty áp dụng phương pháp tính khấu hao nhanh đối với một số thiết bị quản lý, máy móc thiết bị và phương tiện vận chuyển. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	1,5 – 5 năm

(g) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tổng công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f).

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(ii) Công nghệ sản xuất veston

Giá mua công nghệ sản xuất veston được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Công nghệ sản xuất veston được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 42 tháng.

(iii) Tài sản cố định vô hình khác

Giá mua tài sản cố định vô hình khác là chi phí làm phim tài liệu lịch sử 70 năm May 10 và chi phí xây dựng website May 10 được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Tài sản này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 36 tháng.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 18 tháng đến 24 tháng.

(ii) Chi phí thuê trả trước

Chi phí thuê trả trước được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ vào kết quả kinh doanh riêng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

(iii) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm các chi phí sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các cửa hàng, được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ vào kết quả kinh doanh riêng trong vòng 18 tháng đến 36 tháng.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu phổ thông vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê (nếu có).

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty con của Tổng công ty, Tập đoàn Dệt may Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Dệt may Việt Nam.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tiền mặt	4.942.528.752	1.654.666.251
Tiền gửi ngân hàng	56.713.305.513	89.898.686.426
Các khoản tương đương tiền	1.700.000.000	56.600.000.000
	<hr/>	<hr/>
	63.355.834.265	148.153.352.677
	<hr/>	<hr/>

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn


	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Oktava Hong Kong Limited	34.047.394.721	17.004.821.274
Lever Shirt Limited	48.419.295.000	77.831.467.589
Brandtex A/C	18.957.091.352	41.494.361.256
Các khách hàng khác	268.989.748.914	200.543.772.986
	370.413.529.987	336.874.423.105

(b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Ngắn hạn	368.346.095.038	334.806.988.156
Dài hạn	2.067.434.949	2.067.434.949
	370.413.529.987	336.874.423.105

(c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty con		
Công ty TNHH May Phù Đổng	580.592.206	-
Các công ty liên quan khác		
Công ty TNHH Thiệu Đô	9.699.707.237	1.221.176.944
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	-	6.092.704.925
	10.280.299.443	7.313.881.869

Khoản phải thu thương mại từ công ty con và các công ty liên quan khác không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn. 

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải thu của Công ty TNHH Thiệu Đô (công ty liên quan) từ tiền khách hàng ứng trước (*)	20.810.502.994	16.144.143.510
Phải thu của Công ty TNHH H.N.P từ tiền khách hàng ứng trước (**)	5.957.521.006	-
Tạm ứng cho nhân viên	3.032.575.000	850.000.000
Kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng trừ dần vào tiền thuê đất	395.437.800	941.280.600
Phải thu ngắn hạn khác	1.798.666.733	2.348.360.722
	31.994.703.533	20.283.784.832

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải thu của Công ty TNHH Thiệu Đô (công ty liên quan) từ tiền khách hàng ứng trước (*)	16.810.530.000	23.752.920.000
Phải thu của Công ty TNHH H.N.P từ tiền khách hàng ứng trước (**)	14.761.312.500	-
Đặt cọc dài hạn	1.481.065.860	1.280.346.324
Phải thu dài hạn khác	105.617.608	111.081.408
	33.158.525.968	25.144.347.732

(*) Theo thỏa thuận, một số khách hàng nước ngoài ứng trước tiền gia công cho Công ty TNHH Thiệu Đô thông qua Tổng công ty để thực hiện dự án đầu tư thiết bị sản xuất các đơn hàng cho khách hàng nước ngoài đó tại Công ty TNHH Thiệu Đô. Số tiền khách hàng ứng trước được trừ dần vào giá gia công của sản phẩm sản xuất tại Công ty TNHH Thiệu Đô.

(**) Theo thỏa thuận, một số khách hàng nước ngoài ứng trước tiền gia công cho Công ty TNHH H.N.P thông qua Tổng công ty để thực hiện dự án đầu tư thiết bị sản xuất các đơn hàng cho khách hàng nước ngoài đó tại Công ty TNHH H.N.P. Số tiền khách hàng ứng trước được trừ dần vào giá gia công của sản phẩm sản xuất tại Công ty TNHH H.N.P.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

7. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2018			1/1/2018				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH MTV Thương mại Việt Hàn								
Huệ Nguyễn Glee Co	Trên 3 năm	2.067.434.949	(2.067.434.949)	-	Trên 3 năm	2.067.434.949	(2.067.434.949)	-
Công ty TNHH Việt Thắng Jean	6 tháng – 1 năm	1.887.503.620	(566.251.086)	1.321.252.534	-	-	-	-
		<u>3.954.938.569</u>	<u>(2.633.686.035)</u>	<u>1.321.252.534</u>		<u>2.067.434.949</u>	<u>(2.067.434.949)</u>	<u>-</u>

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi
– ngắn hạn

(2.633.686.035)

(2.067.434.949)



Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Hàng tồn kho

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	45.924.403.137	-	39.052.096.639	-
Nguyên vật liệu	311.034.301.527	-	222.373.346.359	-
Công cụ và dụng cụ	1.643.550.725	-	1.753.168.848	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	26.164.723.772	-	33.666.799.190	-
Thành phẩm	141.711.737.599	(3.226.449.616)	116.621.116.768	(3.632.721.442)
Hàng hóa	32.443.168.604	-	22.149.404.416	-
Hàng gửi đi bán	32.760.349.444	-	20.702.053.347	-
	591.682.234.808	(3.226.449.616)	456.317.985.567	(3.632.721.442)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có 7.564 triệu VND thành phẩm (1/1/2018: 6.923 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	255.673.312.086	684.749.251.871	47.863.411.772	79.489.777.895	1.067.775.753.624
Tăng trong năm	-	125.689.252.420	2.034.545.455	6.882.939.974	134.606.737.849
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	54.604.427.768	8.407.020.424	-	15.358.963.823	78.370.412.015
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 14)	-	-	-	602.497.500	602.497.500
Thanh lý	(32.700.000)	(48.597.881.985)	(580.000.000)	(929.279.853)	(50.139.861.838)
Số dư cuối năm	310.245.039.854	770.247.642.730	49.317.957.227	101.404.899.339	1.231.215.539.150
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	173.347.346.142	519.893.792.987	33.084.648.020	54.592.641.214	780.918.428.363
Phân loại lại	-	(215.564.956)	-	215.564.956	-
Khấu hao trong năm	21.233.500.590	104.938.453.057	5.964.440.854	11.464.546.247	143.600.940.748
Thanh lý	(32.700.000)	(46.665.615.512)	(580.000.000)	(929.279.853)	(48.207.595.365)
Giảm khác	(2.978.053.751)	-	-	-	(2.978.053.751)
Số dư cuối năm	191.570.092.981	577.951.065.576	38.469.088.874	65.343.472.564	873.333.719.995
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	82.325.965.944	164.855.458.884	14.778.763.752	24.897.136.681	286.857.325.261
Số dư cuối năm	118.674.946.873	192.296.577.154	10.848.868.353	36.061.426.775	357.881.819.155

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 618.259 triệu VND (1/1/2018: 519.726 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 40.834 triệu VND (1/1/2018: 54.949 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng công ty (Thuyết minh 18(b)).

10. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	280.800.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	7.800.000
Khấu hao trong năm	93.600.000
Số dư cuối năm	101.400.000
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	273.000.000
Số dư cuối năm	179.400.000

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính VND	Công nghệ sản xuất veston VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	3.901.101.835	697.997.648	2.188.000.000	6.787.099.483
Tăng trong năm	4.273.000.000	-	1.770.000.000	6.043.000.000
Thanh lý	(1.552.000.000)	(498.000.000)	-	(2.050.000.000)
Số dư cuối năm	6.622.101.835	199.997.648	3.958.000.000	10.780.099.483
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	2.781.835.163	697.997.648	1.180.057.305	4.659.890.116
Khấu hao trong năm	780.985.707	-	1.147.135.298	1.928.121.005
Thanh lý	(1.552.000.000)	(498.000.000)	-	(2.050.000.000)
Số dư cuối năm	2.010.820.870	199.997.648	2.327.192.603	4.538.011.121
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	1.119.266.672	-	1.007.942.695	2.127.209.367
Số dư cuối năm	4.611.280.965	-	1.630.807.397	6.242.088.362

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 2.312 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 3.132 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	6.387.971.110	632.309.393
Tăng trong năm	103.159.517.874	20.461.474.537
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 9)	(78.370.412.015)	(12.559.066.744)
Chuyển sang tài sản cố định thuê tài chính	-	(280.800.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 14)	(1.665.173.566)	(1.865.946.076)
Chuyển sang Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	(416.607.500)	-
Số dư cuối năm	29.095.295.903	6.387.971.110

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Trung tâm trưng bày và giới thiệu sản phẩm Tổng công ty	-	6.387.971.110
Công trình trung tâm phân phối điện và khí nén Tổng công ty	752.584.355	-
Dự án sửa chữa cải tạo phòng cơ điện Tổng công ty	63.910.000	-
Đất và tài sản gắn liền với đất mua từ trung tâm bán đấu giá tài sản Tỉnh Nam Định	23.508.683.548	-
Dự án mở rộng Xí Nghiệp May Bim Sơn	4.770.118.000	-
Số dư cuối năm	29.095.295.903	6.387.971.110

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Đầu tư vào công ty con

	Địa chỉ	31/12/2018 và 1/1/2018	
		% sở hữu và biểu quyết	Giá gốc VND
Công ty TNHH May Phù Đồng	Hà Nội, Việt Nam	60,97%	1.097.321.861

Tổng công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí thuê trả trước VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	9.007.767.182	2.102.693.328	17.100.372.631	28.210.833.141
Tăng trong năm	8.250.471.059	-	15.109.148.525	23.359.619.584
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	75.761.304	-	1.589.412.262	1.665.173.566
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 9)	-	-	(602.497.500)	(602.497.500)
Phân bổ trong năm	(10.203.844.140)	(1.459.573.350)	(12.194.863.244)	(23.858.280.734)
Số dư cuối năm	7.130.155.405	643.119.978	21.001.572.674	28.774.848.057

[Handwritten signature]

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Levertex Limited	101.382.720.362	87.083.638.373
Công ty TNHH G.M.I	12.324.912.800	11.702.271.100
Các nhà cung cấp khác	232.880.253.178	156.042.485.567
	346.587.886.340	254.828.395.040

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	346.379.315.340	254.619.824.040
Dài hạn	208.571.000	208.571.000
	346.587.886.340	254.828.395.040

(c) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Công ty con		
Công ty TNHH May Phù Đổng	5.045.150.588	3.796.490.595
Các công ty liên quan khác		
Công ty TNHH Thiệu Đô	8.265.305.941	4.124.403.632
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	-	90.000.000
	13.310.456.529	8.010.894.227

Khoản phải trả thương mại đối với công ty con và các công ty liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 đến 120 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/khấu trừ trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	752.181.836	27.128.770.967	(26.733.877.911)	1.147.074.892
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.537.711.336	10.433.273.283	(8.984.188.768)	2.986.795.851
Thuế thu nhập cá nhân	604.880.140	8.447.614.097	(8.444.924.152)	607.570.085
Thuế nhà thầu	338.732.671	1.013.939.852	(937.608.043)	415.064.480
Thuế xuất nhập khẩu	72.448.693	1.113.841.079	(1.078.988.794)	107.300.978
Thuế đất	-	8.704.591.066	(8.704.591.066)	-
Các loại thuế khác	-	64.322.300	(64.322.300)	-
	3.305.954.676	56.906.352.644	(54.948.501.034)	5.263.806.286

17. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Kinh phí công đoàn	520.899.741	441.215.674
Cổ tức phải trả	279.775.743	240.534.627
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	841.304.927	1.228.211.608
	1.641.980.411	1.909.961.909

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Đặt cọc dài hạn	812.510.000	2.142.634.310
Quỹ khen thưởng, phúc lợi dài hạn	10.000.000.000	10.000.000.000
	10.812.510.000	12.142.634.310

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2018		Biến động trong năm		31/12/2018
	Giá trị ghi sổ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ VND
Vay ngắn hạn	333.036.368.425	1.016.511.385.060	(1.016.184.513.952)	(1.276.685.070)	332.086.554.463
Vay dài hạn đến hạn trả	25.812.100.000	62.608.788.442	(25.812.100.001)	(14.439.990)	62.594.348.451
	358.848.468.425	1.079.120.173.502	(1.041.996.613.953)	(1.291.125.060)	394.680.902.914

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đánh giá Tổng công ty có khả năng thanh toán toàn bộ các khoản vay này khi đến hạn.

Điều khoản và điều kiện của khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Khoản vay ngân hàng 1	USD	332.086.554.463	333.036.368.425

Khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng không có tài sản đảm bảo. Lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Vay từ UBND Tỉnh Quảng Bình	VND	2018 - 2020	9.702.887.543	9.702.887.543
Khoản vay ngân hàng 2	VND	2015 - 2022	80.121.000.000	75.229.769.040
Khoản vay ngân hàng 3	USD	2015 - 2022	130.641.437.193	60.088.605.000
Vay cá nhân	VND	2018 - 2022	1.507.000.000	1.236.000.000
			221.972.324.736	146.257.261.583
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng			(62.594.348.451)	(25.812.100.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng			159.377.976.285	120.445.161.583

Khoản vay từ UBND Tỉnh Quảng Bình không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất tính bằng lãi suất cho vay tính dụng đầu tư của Ngân hàng phát triển Quảng Bình.

Các khoản vay ngân hàng có lãi cho vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản đảm bảo có giá trị ghi sổ là 40.834 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 54.949 triệu VND) (Thuyết minh 9).

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông của Tổng công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	2.498.688.769	10.305.238.935
Trích lập trong năm	15.516.000.000	17.463.000.000
Tăng khác	892.691.877	2.087.350.000
Sử dụng trong năm	(14.243.965.463)	(27.356.900.166)
Số dư cuối năm	4.663.415.183	2.498.688.769

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	100.000.000.000	170.000.000	-	70.120.819.147	55.780.780.485	226.071.599.632
Phát hành cổ phiếu	89.000.000.000	46.098.000.000	-	-	-	135.098.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	51.723.813.784	51.723.813.784
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	6.156.000.000	(6.156.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(17.463.000.000)	(17.463.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(27.000.000.000)	(27.000.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	189.000.000.000	46.268.000.000	-	76.276.819.147	56.885.594.269	368.430.413.416
Phát hành cổ phiếu (*)	113.400.000.000	(46.268.000.000)	-	(67.132.000.000)	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-	(2.440.000)	-	-	(2.440.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	55.028.541.129	55.028.541.129
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	5.172.000.000	(5.172.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(15.516.000.000)	(15.516.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(34.020.000.000)	(34.020.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	302.400.000.000	-	(2.440.000)	14.316.819.147	57.206.135.398	373.920.514.545

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 23 tháng 4 năm 2018, Tổng công ty đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ thặng dư vốn cổ phần và Quỹ đầu tư phát triển.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng công ty là:

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	30.240.000	302.400.000.000	18.900.000	189.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.240.000	302.400.000.000	18.900.000	189.000.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(244)	(2.440.000)	-	-
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.239.756	302.397.560.000	18.900.000	189.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2018		2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	18.900.000	189.000.000.000	10.000.000	100.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	11.340.000	113.400.000.000	8.900.000	89.000.000.000
Mua lại cổ phiếu quỹ	(244)	(2.440.000)	-	-
Số dư cuối năm	30.239.756	302.397.560.000	18.900.000	189.000.000.000

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	Số cổ phiếu	31/12/2018 VND	%	Số cổ phiếu	1/1/2018 VND	%
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	10.227.398	102.273.980.000	33,82%	6.392.124	63.921.240.000	33,82%
Cổ đông Nguyễn Thị Thanh Huyền	1.733.600	17.336.000.000	5,73%	1.083.500	10.835.000.000	5,73%
Các cổ đông khác	18.279.002	182.790.020.000	60,45%	11.424.376	114.243.760.000	60,45%
	30.240.000	302.400.000.000	100%	18.900.000	189.000.000.000	100%

22. Cổ tức

Ngày 23 tháng 4 năm 2018, Đại hội đồng Cổ đông Tổng công ty đã thông qua phương án chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2017 với số tiền là 34.020 triệu VND (2017: 27.000 triệu VND).

23. Quỹ đầu tư phát triển

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 23 tháng 4 năm 2018, Tổng công ty đã trích lập 5.172 triệu VND (2017: 6.156 triệu VND) từ lợi nhuận thuần sau thuế năm 2017 vào quỹ đầu tư phát triển trong phần vốn chủ sở hữu. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	1.453.075	33.646.468.647	3.481.037	78.897.954.821
Euro (“EUR”)	2	43.170	13	358.937
		33.646.511.817		78.898.313.758

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	97.331.543.177	126.866.165.290
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	-	5.815.906.369
	97.331.543.177	132.682.071.659

(c) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Trong vòng một năm	7.886.902.830	7.300.672.680
Trong vòng hai đến năm năm	31.547.611.320	29.202.690.720
Sau năm năm	102.001.467.923	101.870.939.490
	141.435.982.073	138.374.302.890

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2018	2017
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	2.288.104.350.973	2.337.222.464.406
▪ Cung cấp dịch vụ	32.527.921.184	33.805.058.777
▪ Gia công	634.445.942.230	648.771.095.244
	2.955.078.214.387	3.019.798.618.427
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(293.930.947)	(548.107.703)
	2.954.784.283.440	3.019.250.510.724

26. Giá vốn hàng bán

	2018	2017
	VND	VND
Thành phẩm đã bán và dịch vụ đã cung ứng (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.493.489.820.110	2.579.464.985.162
	(406.271.826)	268.176.171
	2.493.083.548.284	2.579.733.161.333

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2018	2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi	488.786.219	1.618.386.438
Cổ tức được chia	323.736.252	355.755.463
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	16.543.074.153	14.329.809.317
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	707.564.007	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	340.644.382	594.143.477
	18.403.805.013	16.898.094.695

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí tài chính

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lãi vay	18.449.202.088	12.090.445.671
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	18.920.545.255	7.191.067.169
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	765.405.084
Chi phí tài chính khác	114.100.052	122.673.882
	<hr/> 37.483.847.395	<hr/> 20.169.591.806

29. Chi phí bán hàng

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	23.456.996.524	21.467.199.280
Chi phí quảng cáo	5.267.090.633	12.239.243.516
Chi phí vận chuyển hàng xuất khẩu	43.653.889.473	41.460.403.491
Chi phí xuất khẩu	28.517.620.825	26.723.988.827
Chi phí thuê cửa hàng	16.059.637.092	15.789.865.197
Chi phí bán hàng khác	53.541.026.193	57.500.399.596
	<hr/> 170.496.260.740	<hr/> 175.181.099.907

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	107.298.600.557	96.264.491.984
Chi phí khấu hao và phân bổ	28.067.121.633	28.733.681.876
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.542.607.014	17.416.121.350
Trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	566.251.086	620.230.481
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	51.066.782.077	56.571.403.719
	<hr/> 211.541.362.367	<hr/> 199.605.929.410

Handwritten signature

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2018	2017
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.334.206.592.460	1.375.771.797.264
Chi phí nhân viên	799.956.094.043	755.670.387.604
Chi phí khấu hao và phân bổ	144.734.143.732	139.624.011.236
Chi phí dịch vụ mua ngoài	459.782.215.072	561.369.082.669
Chi phí khác	176.789.003.608	165.504.936.678

32. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2018	2017
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	10.377.273.283	9.694.247.565
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	45.673.947
	10.377.273.283	9.739.921.512

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2018	2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	65.405.814.412	61.463.735.296
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán		
Chi phí không được khấu trừ thuế	8.677.752.028	6.332.380.491
Thu nhập không chịu thuế:		
▪ Cổ tức được chia	(323.736.252)	(355.755.463)
Thu nhập chịu thuế trong năm	73.759.830.188	67.440.360.324
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất của Tổng công ty	14.751.966.038	13.488.072.065
▪ Chi phí cho lao động nữ	(4.374.692.755)	(3.793.824.500)
▪ Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	45.673.947
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.377.273.283	9.739.921.512

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, từ năm 2016 Tổng công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng công ty được hưởng ưu đãi giảm số thuế thu nhập tương ứng với số tiền thực chi thêm cho lao động nữ theo quy định tại Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Tổng công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2018 VND	2017 VND
Công ty con		
Công ty TNHH May Phù Đồng		
Mua hàng hóa và dịch vụ	29.149.154.371	22.167.476.983
Cổ tức được chia	323.736.252	355.755.463
Bán hàng hóa và dịch vụ	5.784.399.111	1.336.331.427
Công ty liên quan khác		
Tập đoàn Dệt may Việt Nam		
Chia cổ tức	11.505.823.200	9.588.186.000
Mua dịch vụ	350.000.000	372.000.000
Bán hàng hóa	16.381.167.883	20.635.053.843
Công ty TNHH Thiệu Đô		
Mua hàng hóa và dịch vụ	69.771.830.972	123.807.735.921
Bán hàng hóa và dịch vụ	19.580.126.227	7.553.929.283
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát		
Tiền lương và thưởng	10.919.622.640	15.293.577.080

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Người lập:



Tạ Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Ngày 19 tháng 3 năm 2019

Người duyệt:



Phạm Bích Hồng
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Tổng Giám đốc